

# GIẢNG CO TÍCH LŨY

## TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

### Triển vọng tích cực của ngành Ngân hàng năm 2025

Tăng trưởng GDP 9T đầu năm của Việt Nam ước đạt 6,82% và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong những tháng cuối năm 2024. Tăng trưởng kinh tế là động lực quan trọng góp phần mở rộng hoạt động tín dụng.

Tăng trưởng tín dụng tích cực: Tính đến 07/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng 12,5% so với cuối năm ngoái, theo số liệu của NHNN. Tăng trưởng tín dụng các tuần cuối năm 2024 dự báo sẽ bứt phá mạnh, lên vùng 15%.

Các gói tín dụng ưu đãi đã giải ngân vượt dự kiến: NHNN dự kiến tăng số dư cũng như ưu đãi về lãi suất về thời hạn các gói tín dụng để góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tăng trưởng nền kinh tế.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 5,24 điểm trong phiên 31/12 kết phiên ở mức 1.266,78 điểm. Thanh khoản giảm 10,32% so với phiên giao dịch ngày 30/12. Khối ngoại quay lại bán ròng hơn 288 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục tích lũy trong vùng 1.260-1.275 điểm trong phiên giao dịch ngày 02/01/2025. VN-Index đã trải qua một năm giao dịch đầy thăng trầm, khép lại với mức tăng hơn 12%, và hiện đang tích lũy ổn định trong vùng 1.260-1.270 điểm. Mặc dù khối ngoại có động thái bán ròng trở lại, song nền kinh tế trong nước lại có nhiều tín hiệu khả quan, tạo ra niềm tin vào một triển vọng tích cực. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, thị trường có thể tiếp tục duy trì trạng thái trầm lắng và dao động đi ngang quanh vùng 1.260-1.275 điểm, trước khi mùa báo cáo quý 4 và kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán đang đến gần.

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



| Chỉ báo   | RSI14 | MFI      | MA10     | MA20     | MA50     | MA100    |
|-----------|-------|----------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị   | 53,95 | 45,41    | 1.266,21 | 1.265,52 | 1.252,99 | 1.262,18 |
| Hành động | Mua   | Quan sát | Mua      | Mua      | Mua      | Mua      |

## CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

VPB

Khuyến nghị: **Mua**

TP: 22.200 VND | UPSIDE: +15%

### Chiến lược hành động

**MUA:** NĐT tiếp tục quan sát thị trường, tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và có câu chuyện hấp dẫn hơn cho năm 2025.

**BÁN:** NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.260 điểm.

## Tổng quan thị trường

| Thị trường      | Giá trị  | %Δ     |
|-----------------|----------|--------|
| VN-Index        |          |        |
| Đóng cửa        | 1.266,78 | -0,41  |
| KLCP (triệu CP) | 473,19   | -10,32 |
| GTGD (tỷ VND)   | 11.340   | -2,22  |
| Khớp lệnh       | 9.570    | -4,41  |
| Thỏa thuận      | 1.740    | 6,62   |
| HNX-Index       |          |        |
| Đóng cửa        | 227,43   | -0,31  |
| KLCP (triệu CP) | 40,43    | -4,70  |
| GTGD (tỷ VND)   | 654,2    | -0,68  |
| UPCoM           |          |        |
| Đóng cửa        | 94,91    | -0,09  |
| KLCP (triệu CP) | 44,23    | 1,57   |
| GTGD (tỷ VND)   | 813,7    | 22,06  |

**Diễn biến TTCK Mỹ:** Chỉ số S&P500 đóng cửa giảm 0,43% xuống 5.881,63, trong khi Nasdaq giảm 0,9% xuống 19.310,79 vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2024. Dow Jones chỉ giảm 0,07%, hay 29,51 điểm, xuống 42.544,22.

**Thế giới:** Cổ phiếu đóng cửa thấp hơn vào thứ Ba khi các nhà đầu tư khép lại một năm bùng nổ khác đã đưa S&P 500 lên mức tăng hàng năm thứ hai liên tiếp vượt quá 20%, được thúc đẩy bởi sự nhiệt tình đối với việc cắt giảm lãi suất, sức mạnh kinh tế và trí tuệ nhân tạo. S&P 500 tăng vọt 23,31% vào năm 2024, dựa trên mức tăng 24,2% của năm ngoái. Mức tăng 53% trong hai năm là mức tăng tốt nhất kể từ mức tăng gần 66% vào năm 1997 và 1998. Trong khi đó, Dow tăng 12,88% vào năm 2024, trong khi Nasdaq tăng trưởng vượt trội với mức tăng 28,64%. Trong quý IV, Nasdaq và S&P tăng lần lượt 6,2% và 2,1%, trong quý tăng thứ năm liên tiếp lần đầu tiên kể từ năm 2021. Dow chỉ tăng 0,5% trong cùng kỳ trong quý tăng thứ tư trong năm quý. Bất chấp hiệu suất mạnh mẽ từ đầu năm đến nay, Phố Wall đã gặp khó khăn trong những ngày cuối tháng 12, với các nhà đầu tư chốt lời ở một số công ty chiến thắng lớn nhất năm 2024 và nỗi lo về việc lãi suất tăng vào cuối năm ngày càng gia tăng. Dow kết thúc tháng giảm 5,3%. S&P giảm 2,5%, trong khi Nasdaq đạt được mức tăng 0,5%.

**Việt Nam:** Thị trường chứng khoán khởi đầu năm 2024 hưng phấn với đà hồi phục từ sự dẫn dắt của nhóm ngân hàng, VN-Index bứt phá áp sát ngưỡng 1.300 điểm. Kết năm 2024, VN-Index tăng 12% so với đầu năm, qua đó đóng cửa tại 1.266,78 điểm. HNX-Index giảm 1,6% đóng cửa tại 227,43 điểm, UPCoM-Index tăng 9% đóng cửa tại 95,06 điểm. Vốn hoá toàn thị trường vào khoảng 7 triệu tỷ đồng.

**Tỷ giá USD/VND:** Tỷ giá tự do giao dịch quanh mức 25.485.

**Vàng:** Giá vàng đã tăng lên trên 2.600 USD/ounce vào thứ Ba, đánh dấu mức tăng trưởng hàng năm mạnh nhất kể từ năm 2010 với mức tăng 26% trong năm 2024. Trong khi đó, giá vàng trong nước tiếp đà giảm, với giá vàng miếng và vàng nhẫn hầu hết các thương hiệu đồng loạt giảm 300.000 đồng ở cả 2 chiều. Như vậy, vàng đã khép lại một năm với nhiều kỷ lục được phá vỡ, nhờ hoạt động mua vào mạnh mẽ của các ngân hàng trung ương, bất ổn địa chính trị và nỗi lòng chính sách tiền tệ. Với mức tăng nhẹ trong phiên giao dịch cuối của năm, kim loại quý này đã có được năm hoạt động tốt nhất kể từ năm 2010. Là một trong những tài sản hoạt động tốt nhất trong năm 2024, giá vàng thời đã tăng hơn 26% tính từ đầu năm đến nay, mức tăng hằng năm lớn nhất kể từ năm 2010 và đạt mức cao kỷ lục gần đây nhất là 2.790,15 USD/ounce vào ngày 31-10, sau một loạt các đợt tăng giá kỷ lục.

**VND:** CTCP Chứng khoán VNDirect ghi nhận doanh thu sụt giảm, tỷ trọng thị phần ngày càng giảm. Bên cạnh đó, VND vừa công bố kế hoạch huy động vốn thông qua hai đợt phát hành trái phiếu trong năm 2025, với tổng giá trị lên đến 2.000 tỷ đồng, mỗi đợt 1.000 tỷ đồng. Đây là động thái quan trọng nhằm tăng cường nguồn lực tài chính, hỗ trợ cho các hoạt động chiến lược của công ty. Trước đó, ngày 20/12/2024, VNDirect đã quyết định thay đổi mục đích sử dụng 2.436 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán cổ phiếu hồi tháng 7/2024. Theo kế hoạch mới, tỷ lệ vốn dành cho hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán được điều chỉnh từ 20% xuống 15-20%. Đồng thời, tỷ lệ 20% vốn trước đây dự kiến sử dụng cho phát hành và phân phối chứng quyền có bảo đảm đã được chuyển sang gửi ngân hàng, với tỷ lệ tăng lên 20-25%. Phần vốn còn lại được giữ nguyên.

**YEG:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 mới đây công bố thông tin về việc hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty tại CTCP Giải trí ANA và CTCP Tập đoàn Care. Theo đó, CTCP Giải trí ANA, CTCP Tập đoàn Care cùng các công ty con, công ty liên kết của các công ty này không còn là công ty con, công ty liên kết của Yeah1. Trước đó, hồi tháng 6/2024, Yeah1 công bố thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần tại 6 công ty con. Thời điểm đó, Yeah1 nắm 2,97 triệu cổ phần, tương đương 99% vốn CTCP Giải trí ANA và 39,99 triệu cổ phần, tương đương 99,98% vốn CTCP Tập đoàn Care.

Chứng khoán thế giới

| Thị trường | Điểm số   | %Δ    | YTD   |
|------------|-----------|-------|-------|
| SP500      | 5.881,63  | -0,43 | 23,31 |
| DJIA       | 42.544,22 | -0,07 | 12,88 |
| Nasdaq     | 19.310,79 | -0,90 | 28,64 |
| Shanghai   | 3.351,76  | -1,63 | 12,67 |
| Hang Seng  | 20.059,95 | 0,09  | 17,67 |

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Δ    | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 2.624,38  | 0,77  | 27,24  |
| Dầu WTI   | 71,72     | 0,89  | 0,10   |
| Dầu Brent | 74,64     | 0,73  | -3,12  |
| Than      | 125,25    | 0,20  | -14,45 |
| Đồng      | 3,9820    | -1,57 | 2,62   |
| Quặng sắt | 103,61    | -0,28 | -24,02 |
| Thép      | 451,11    | 0,03  | -18,17 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá (USD) | %Δ    | YTD   |
|---------|-----------|-------|-------|
| DXY     | 108,45    | 0,37  | 6,98  |
| USD/JPY | 157,35    | 0,18  | 11,55 |
| USD/CNY | 7,3375    | 0,33  | 2,98  |
| EUR/USD | 1,0358    | -0,42 | -6,14 |
| GBP/USD | 1,2519    | -0,20 | -1,65 |

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá   | %Δ    |
|-------|---------|-------|-------|
| DCM   | 181,84  | 35,60 | -1,79 |
| GEG   | 27,93   | 12,00 | 2,13  |
| SBT   | 27,94   | 13,10 | 0,77  |
| KHP   | 21,73   | 13,35 | -6,97 |
| SAM   | 11,28   | 7,50  | 2,74  |

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá    | %Δ    |
|-------|---------|--------|-------|
| FPT   | 550,26  | 152,50 | 1,33  |
| STB   | 347,59  | 36,90  | -2,51 |
| MBB   | 281,22  | 25,10  | 1,21  |
| MWG   | 275,21  | 61,00  | 0,00  |
| HPG   | 273,39  | 26,65  | -0,37 |

VPB  
(HOSE)

|                           |               |
|---------------------------|---------------|
| Khuyến nghị               | Mua           |
| Giá hiện tại (31/12/2024) | 19.200        |
| Giá mục tiêu              | 22.200        |
| Tiềm năng tăng trưởng     | 15%-18%       |
| Vùng mua                  | 18.800-19.200 |
| Ngưỡng cắt lỗ             | <18.000       |

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

**Lũy kế 9T đầu năm 2024**, VPB ghi nhận khả quan với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 13,9 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 67% YoY. Trong đó, ghi nhận tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt hơn 44 nghìn tỷ VND, tăng 22,5% YoY. Kết quả này chủ yếu đến từ sự tăng trưởng mạnh mẽ của thu nhập lãi thuần (NII), tăng 32,3% YoY, trong khi thu nhập ngoài lãi (NOLI) giảm nhẹ 6,0% so với cùng kỳ.

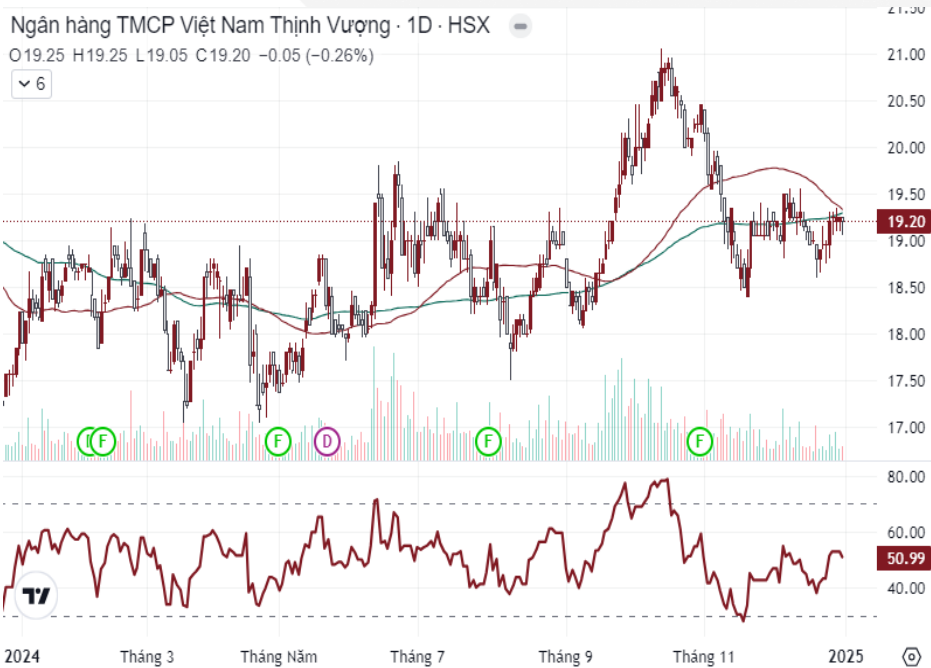
**Tăng trưởng tín dụng khả quan nhờ phục hồi kinh tế và chiến lược mở rộng:** Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ đạt 10,6% (tăng trưởng cho vay đạt 13,9%) trong 9T/2024. Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng 15-17% trong năm 2024-2025, được thúc đẩy bởi phân khúc bán lẻ (cho vay mua ô tô, thẻ tín dụng, cho vay thế chấp) và SME (chương trình tín dụng xanh, hỗ trợ từ SMBC). Sự phục hồi của nhu cầu tiêu dùng và khả năng trả nợ được cải thiện sẽ đóng góp tích cực, đặc biệt từ các sản phẩm tín dụng thế mạnh như FE Credit và tài chính tiêu dùng.

**Cải thiện hiệu quả hoạt động và chất lượng tài sản:** NIM hợp nhất đạt 5,93% (+44 điểm cơ bản YoY) trong 9T/2024. NIM kỳ vọng đạt 6,0% trong năm 2024 và lên 6,3% trong năm 2025 nhờ giảm chi phí vốn và cơ cấu tín dụng tối ưu. Tỷ lệ NPL hợp nhất vào Q3/2024 đạt 4,8%, giảm nhẹ so với năm trước và giảm so với mức 5,08% của Q2/2024. Kỳ vọng tỷ lệ NPL giảm dần, đạt 4,75% cho cả năm 2024, nhờ quản lý rủi ro tốt hơn và cải thiện thu hồi nợ từ FE Credit.

**FE Credit lấy lại đà tăng trưởng và cải thiện đóng góp vào lợi nhuận:** LNTT đạt hơn 270 tỷ VND, đưa mức lỗ lũy kế của FE Credit giảm xuống 437 tỷ VND, so với mức lỗ hơn 3 nghìn tỷ VND cùng kỳ năm trước. Kỳ vọng có mức tăng trưởng tín dụng dương năm 2025, hỗ trợ đà phục hồi lợi nhuận. Tỷ lệ nợ xấu giảm và quản lý rủi ro tốt hơn sẽ giúp FE Credit giảm áp lực chi phí dự phòng. Từ năm 2025, FE Credit sẽ chuyển từ lỗ sang có lãi đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh hợp nhất của VPBank.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VPB đang tích cực giữ các mốc MA ngắn hạn và lấy lại các mốc MA dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI tích lũy trong vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua phù hợp.



Thông tin doanh nghiệp

|                        |               |
|------------------------|---------------|
| Phân ngành ICB L2      | Ngân hàng     |
| Biến động giá 1Y       | 17.040-21.050 |
| KLGDBQ 10D (CP)        | 10.067.410    |
| Vốn hóa (tỷ đồng)      | 152.728,03    |
| BVPS                   | 17.304        |
| P/E (lần)              | 11,49         |
| P/B (lần)              | 1,11          |
| EPS (VND)              | 1.675,75      |
| SL CPLH (triệu CP)     | 7.933,92      |
| Tỷ lệ free-float (%)   | 55,00         |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 25,06         |
| ROA (%)                | 1,57          |
| ROE (%)                | 9,71          |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày    | -       | Đi ngang  |
| Xu hướng tuần    | -       | Đi ngang  |
| Xu hướng tháng   | -       | Đi ngang  |
| RSI 14           | 50,99   | Mua       |
| MFI              | 54,60   | Mua       |
| MA10             | 19,08   | Mua       |
| MA20             | 19,15   | Mua       |
| MA50             | 19,33   | Quan sát  |
| MA100            | 19,29   | Quan sát  |

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
|-----|-------------|--------|----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|

### Danh mục theo dõi

|   |            |          |           |  |  |        |        |  |  |  |
|---|------------|----------|-----------|--|--|--------|--------|--|--|--|
| 1 | <b>GAS</b> | Theo dõi | 67,7-68,2 |  |  | 77.000 | 65.000 |  |  |  |
|---|------------|----------|-----------|--|--|--------|--------|--|--|--|

### Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

|    |            |         |           |            |         |         |         |  |  |       |
|----|------------|---------|-----------|------------|---------|---------|---------|--|--|-------|
| 1  | <b>DGC</b> | Nắm giữ | 106-108   | 06/11/2024 | 107.400 | 124.000 | 103.000 |  |  | 8,6%  |
| 2  | <b>VHC</b> | Nắm giữ | 72,6-73,4 | 21/11/2024 | 70.500  | 82.500  | 69.400  |  |  | 0,0%  |
| 3  | <b>HPG</b> | Nắm giữ | 25,6-26,0 | 25/11/2024 | 26.000  | 29.600  | 24.500  |  |  | 2,5%  |
| 4  | <b>KBC</b> | Nắm giữ | 27,1-27,6 | 27/11/2024 | 27.500  | 31.500  | 26.000  |  |  | -1,1% |
| 5  | <b>CTD</b> | Nắm giữ | 64,8-66,0 | 03/12/2024 | 65.500  | 75.000  | 62.100  |  |  | 4,9%  |
| 6  | <b>PNJ</b> | Nắm giữ | 92,8-93,5 | 04/12/2024 | 93.500  | 108.000 | 88.600  |  |  | 4,7%  |
| 7  | <b>PAN</b> | Nắm giữ | 22,2-22,8 | 10/12/2024 | 22.450  | 25.800  | 21.400  |  |  | 5,8%  |
| 8  | <b>DBC</b> | Nắm giữ | 26,6-27,0 | 17/12/2024 | 26.800  | 30.500  | 25.500  |  |  | 3,5%  |
| 9  | <b>REE</b> | Nắm giữ | 65,0-66,3 | 17/12/2024 | 66.000  | 73.000  | 62.300  |  |  | 2,9%  |
| 10 | <b>IDC</b> | Nắm giữ | 55,6-56,5 | 18/12/2024 | 56.200  | 64.500  | 53.100  |  |  | -0,9% |
| 11 | <b>VGC</b> | Nắm giữ | 43,0-44,0 | 24/12/2024 | 44.000  | 54.000  | 41.500  |  |  | 2,2%  |
| 12 | <b>MWG</b> | Nắm giữ | 60,0-61,0 | 25/12/2024 | 61.300  | 80.000  | 57.500  |  |  | -0,5% |
| 13 | <b>MSB</b> | Nắm giữ | 11,2-11,5 | 25/12/2024 | 11.300  | 13.000  | 10.850  |  |  | 3,1%  |
| 14 | <b>BCM</b> | Nắm giữ | 67,5-69,5 | 27/12/2024 | 68.800  | 82.300  | 64.900  |  |  | 3,1%  |
| 15 | <b>HAG</b> | Nắm giữ | 11,8-12,4 | 30/12/2024 | 11.800  | 16.900  | 11.600  |  |  | 2,1%  |
| 16 | <b>CTR</b> | Nắm giữ | 122-125,5 | 30/12/2024 | 122.000 | 145.000 | 117.700 |  |  | 2,0%  |



## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1   | POW         | Chốt lời | 11,2-11,5 | 21/11/2024 | 11.300  | 13.000       | 11.000     | 04/12/24 | 12.650  | 11,9% |
| 2   | QNS         | Chốt lời | 48,6-49,0 | 18/11/2024 | 49.000  | 55.000       | 46.400     | 06/12/24 | 51.300  | 4,7%  |
| 3   | CMG         | Chốt lời | 52,8-54   | 28/11/2024 | 53.800  | 63.800       | 50.700     | 09/12/24 | 58.500  | 8,7%  |
| 4   | LPB         | Chốt lời | 31,2-31,7 | 25/10/2024 | 31.700  | 35.000       | 29.850     | 10/12/24 | 34.400  | 8,5%  |
| 5   | VOS         | Chốt lời | 14,1-14,8 | 25/11/2024 | 14.800  | 17.000       | 13.800     | 10/12/24 | 16.300  | 10,1% |
| 6   | PLX         | Cắt lỗ   | 39,2-40   | 03/12/2024 | 39.500  | 45.000       | 37.800     | 13/12/24 | 39.400  | -0,3% |
| 7   | VCG         | Cắt lỗ   | 16,8-17,2 | 25/11/2024 | 17.500  | 19.300       | 16.100     | 24/12/24 | 17.350  | -0,9% |
| 8   | NTP         | Chốt lời | 60,3-62,6 | 05/12/2024 | 62.700  | 72.000       | 58.400     | 25/12/24 | 66.900  | 6,7%  |
| 9   | DRC         | Chốt lời | 28,1-28,7 | 11/12/2024 | 28.600  | 32.500       | 27.000     | 25/12/24 | 30.350  | 6,1%  |
| 10  | BFC         | Chốt lời | 38-38,8   | 16/12/2024 | 38.000  | 45.500       | 36.500     | 25/12/24 | 41.650  | 9,6%  |
| 11  | HAX         | Chốt lời | 15,9-16,3 | 18/12/2024 | 16.350  | 18.200       | 15.400     | 25/12/24 | 17.750  | 8,6%  |
| 12  | DDV         | Chốt lời | 19,0-19,8 | 23/12/2024 | 19.900  | 23.000       | 18.400     | 25/12/24 | 21.000  | 5,5%  |
| 13  | PVT         | Chốt lời | 27,2-27,6 | 20/12/2024 | 27.600  | 32.300       | 26.000     | 26/12/24 | 28.300  | 2,5%  |
| 14  | TNG         | Chốt lời | 24,7-25,0 | 02/12/2024 | 24.900  | 28.500       | 23.700     | 27/12/24 | 26.300  | 5,6%  |
| 15  | DHC         | Chốt lời | 35,0-35,6 | 23/12/2024 | 36.000  | 40.000       | 33.500     | 30/12/24 | 38.350  | 6,5%  |
| 16  | MSN         | Cắt lỗ   | 70,4-71,5 | 11/11/2024 | 71.300  | 79.000       | 67.400     | 31/12/24 | 70.800  | -0,7% |
| 17  | PDR         | Chốt lời | 20,6-21,0 | 20/11/2024 | 19.900  | 24.000       | 19.800     | 31/12/24 | 20.950  | 5,3%  |
| 18  | CTG         | Chốt lời | 33,2-33,7 | 21/11/2024 | 33.600  | 36.800       | 31.900     | 31/12/24 | 38.700  | 15,2% |
| 19  | VNM         | Cắt lỗ   | 63,3-64,0 | 26/11/2024 | 64.400  | 72.200       | 60.500     | 31/12/24 | 63.800  | -0,9% |

Email: [research@lpbs.com.vn](mailto:research@lpbs.com.vn)

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



### Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.